

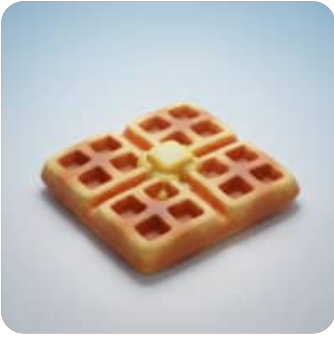
 bánh mì	 cơm	ryż Bạn có thường ăn cơm với rau không? Czy zazwyczaj jesz ryż z warzywami? Lekcja 86 · Podstawy jedzenia	chleb Bạn có muốn ăn bánh mì không? Czy chcesz trochę chleba? Lekcja 86 · Podstawy jedzenia
 mì Ý	 súp	zupa Món súp này sẽ ngon hơn nếu thêm chút muối. Zupa smakuje lepiej z solą. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia	makaron Tối nay chúng tôi làm món mì Ý cho bữa tối. Robimy dzisiaj na kolację makaron. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia
 sa lát	 gà	kurczak Họ nướng gà trong vườn. Grillowali kurczaka w ogrodzie. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia	sałatka Anh ấy thêm dầu ô liu vào món sa lát của mình. Dodaje oliwę z oliwek do swojej sałatki. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia
 thịt bò	 cá	ryba Cô ấy không thích ăn cá. Ona nie lubi ryb. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia	wołowina Thịt bò có đắt hơn thịt gà không? Czy wołowina jest droższa niż kurczak? Lekcja 86 · Podstawy jedzenia

 trứng	 phô mai	ser Miękkie phô mai đó có mùi rất nồng. Ten ser pachnie bardzo intensywnie. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia	jajko Trứng rất tốt cho sức khỏe. Jajka są bardzo zdrowe. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia
 trái cây	 rau	warzywa Rau lớn rất nhanh. Warzywa rosną szybko. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia	owoc Tôi thích ăn trái cây tươi hơn là đồ ăn vặt ngọt. Wolę świeże owoce od słodkich przekąsek. Lekcja 86 · Podstawy jedzenia
 bánh burger	 pizza	pizza Chúng tôi đã ăn một chiếc pizza nóng. Zjedliśmy gorącą pizzę. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food	burger Tôi đã ăn một chiếc bánh burger rất ngon. Zjadłem pysznego burgera. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food
 bánh mì	 xúc xích	hot dog Đứa trẻ đã ăn một chiếc xúc xích. Dziecko zjadło hot doga. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food	kanapka Cậu bé ăn một chiếc bánh mì. Chłopiec je kanapkę. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food

 khoai tây chiên	 taco	tako Tôi đã ăn một chiếc taco rất ngon. Zjadłem pyszne tako. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food	frytki Tôi đã ăn món khoai tây chiên nóng hổi. Zjadłem gorące frytki. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food
 kem	 bánh quy	ciastko Đứa trẻ ăn một cái bánh quy. Dziecko je ciastko. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food	lody Các em nhỏ đang ăn kem. Dzieci jedzą lody. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food
 sô-cô-la	 kẹo	cukierek Lũ trẻ ăn kẹo. Dzieci jedzą cukierek. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food	czekolada Đứa trẻ ăn sô-cô-la ngọt. Dziecko je słodką czekoladę. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food
 bông ngô	 bánh donut	pączek Tôi đã ăn một chiếc bánh donut ngọt. Zjadłem słodkiego pączka. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food	popcorn Chúng tôi ăn bông ngô với muối. Jemy popcorn z solą. Lekcja 87 · Burgery, pizza i fast food

 xúc xích	 thịt viên	klopsiki Anh ấy đã ăn ba viên thịt viên lớn. Zjadł trzy duże klopsiki. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie	kiełbasa Anh ấy ăn một cái xúc xích lớn. On je dużą kiełbasę. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie
 mì	 đậu	fasola Người nông dân đã trồng cây đậu. Rolnik zasadził fasolę. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie	makaron Tôi ăn mì với rau. Jem makaron z warzywami. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie
 đậu hà lan	 thịt	mięso Người đàn ông cắt miếng thịt. Mężczyzna kroi mięso. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie	groszek Tôi đã ăn một hạt đậu hà lan màu xanh. Zjadłem zielony groszek. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie
 sữa lắc	 món hầm	gulasz Chúng tôi đã ăn món hầm nóng. Zjedliśmy gorący gulasz. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie	koktajl mleczny Tôi đã uống một cốc sữa lắc lạnh. Wypiłem zimny koktajl mleczny. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie

 thịt xông khói	 thịt giăm bông	szynka Chúng tôi ăn thịt giăm bông với bánh mì. Zjedliśmy szynkę z chlebem. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie	bekon Người đàn ông nấu thịt xông khói. Mężczyzna smaży bekon. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie
 dưa muối	 nước dùng	bulion Cô ấy uống bát nước dùng nóng. Ona pije gorący bulion. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie	ogórek kiszony Tôi đã ăn một quả dưa muối chua. Zjadłem kwaśny ogórek kiszony. Lekcja 88 · Sycące i domowe jedzenie
 bánh nướng	 bánh kếp	naleśnik Tôi đã ăn một chiếc bánh kếp ấm. Zjadłem ciepłego naleśnika. Lekcja 92 · Stodkie przekąski i owoce tropikalne	ciasto Cô ấy đã nướng một chiếc bánh nướng rất ngon. Upiekła pyszne ciasto. Lekcja 92 · Stodkie przekąski i owoce tropikalne
 mứt	 ngũ cốc	płatki śniadaniowe Cô ấy ăn ngũ cốc với sữa. Ona je płatki z mlekiem. Lekcja 92 · Stodkie przekąski i owoce tropikalne	dżem Tôi ăn bánh mì với mứt. Jem chleb z dżemem. Lekcja 92 · Stodkie przekąski i owoce tropikalne

 sữa chua	 bánh muffin	mufinka Anh ấy đã ăn một chiếc bánh muffin ấm. Zjadł ciepłą mufinkę. Lekcja 92 · Stodkie przekąski i owoce tropikalne	jogurt Tôi ăn sữa chua với trái cây. Jem jogurt z owocami. Lekcja 92 · Stodkie przekąski i owoce tropikalne
 bánh cupcake	 bánh waffle	gofry Tôi đã ăn một chiếc bánh waffle nóng. Zjadłem ciepłego gofra. Lekcja 92 · Stodkie przekąski i owoce tropikalne	babeczka Đứa trẻ đã ăn một chiếc bánh cupcake. Dziecko zjadło babeczkę. Lekcja 92 · Stodkie przekąski i owoce tropikalne